CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

Tổng CTCP Đầu tư xây dựng và Thương mại Việt Nam

Ngày 31/12/2025	9,700 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	25.1%	-	-

DT thuần
Q4/25
54.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▼5,819| -99.1%
YoY: ▲ 0.70| 1.3%

LN thuần
Q4/25
-23.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▼319| -108%
YoY: ▼20.1| -548%

LN sau thuế
Q4/25
-19.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▼236| -109%
YoY: ▼27.5| -359%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
4.6%
YoY: +/-▼ 4.3%

ROE
2025
17.5%
YoY: +/-▲ 16.4%

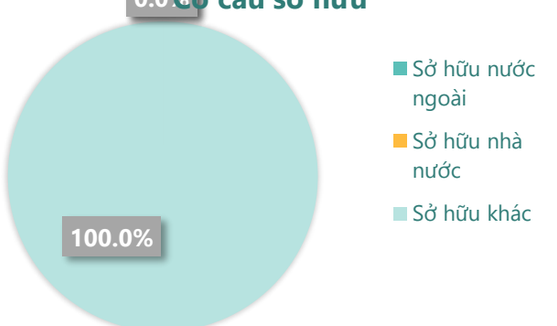
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	6,013 - 18,989
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	765
Số lượng CPLH (CP)	78,907,276
KLGD BQ 20 phiên (CP)	71,345
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.89
EPS	2,494
P/E	3.9

DT thuần
2025
6,011
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 5,850| 3644%

LN thuần
2025
273
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 272| 21394%

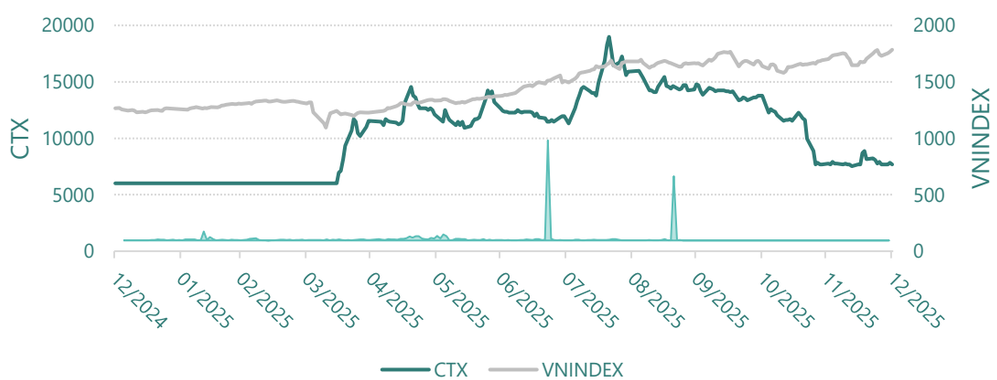
LN sau thuế
2025
197
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 186| 1644%

Cơ cấu sở hữu

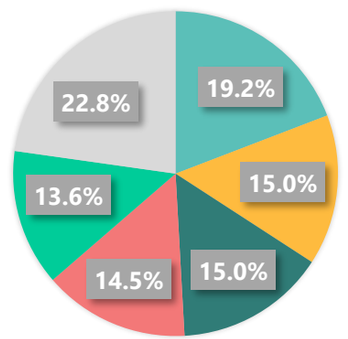


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

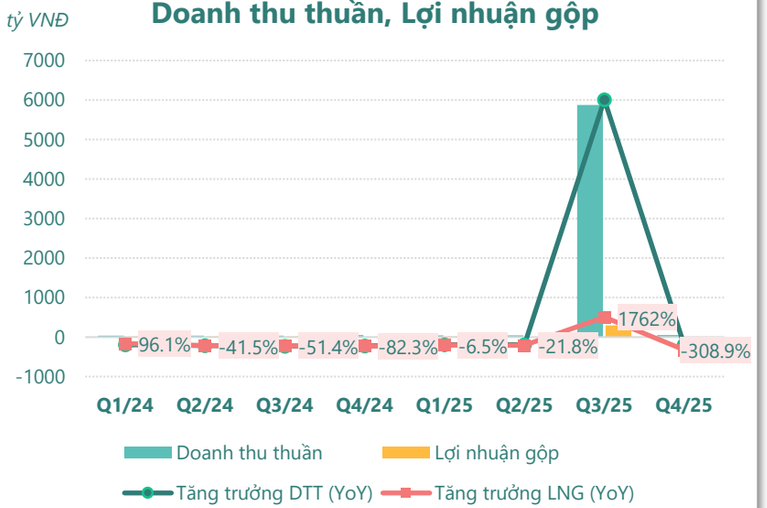


- CTCP Thăng Long Fundings
- CTCP Đầu tư Hòa Bình Fundings
- Công ty TNHH Đầu tư AMAI
- CTCP Đầu tư FTM
- Lê Quang Bình
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

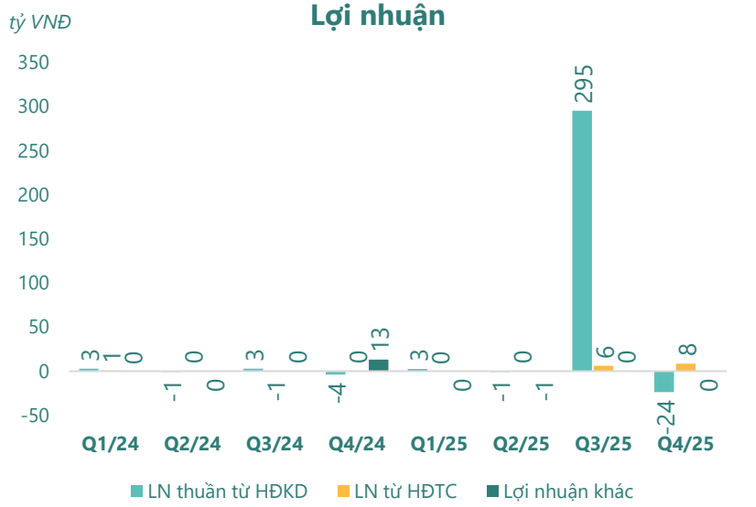
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



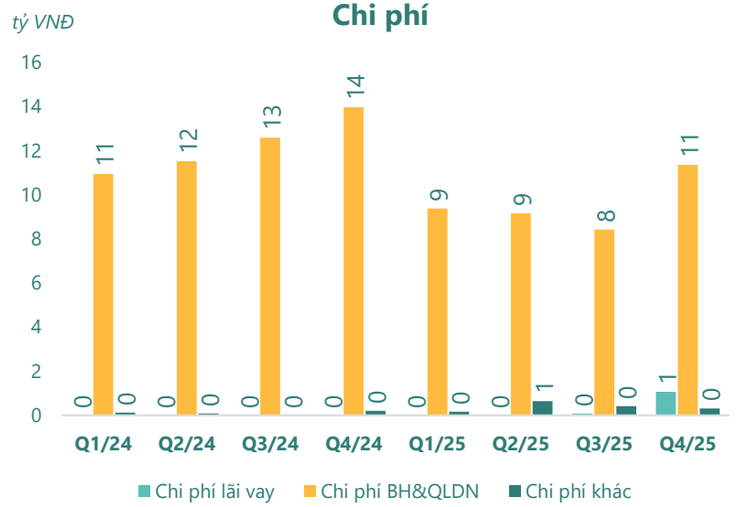
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



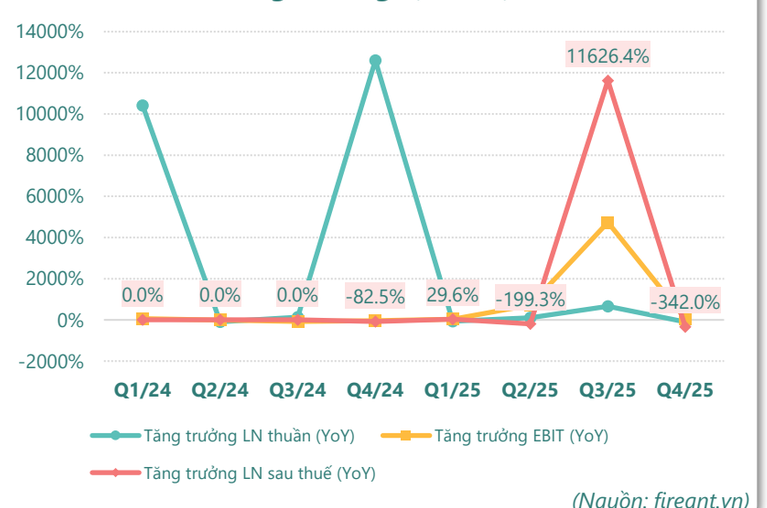
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



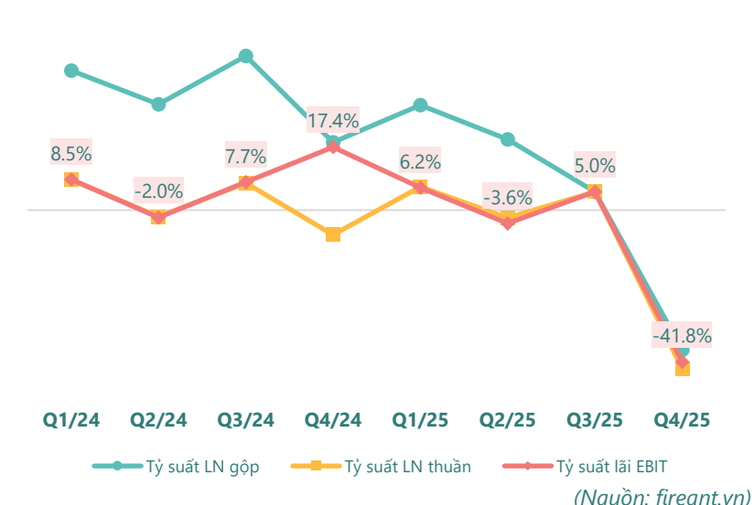
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



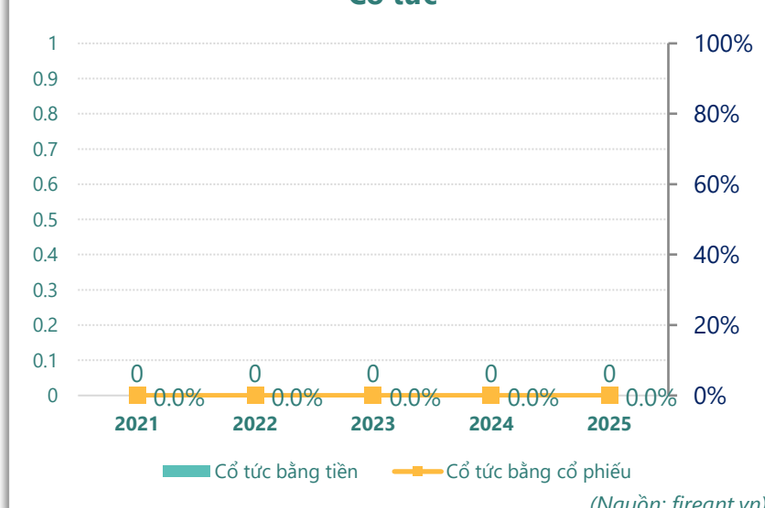
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

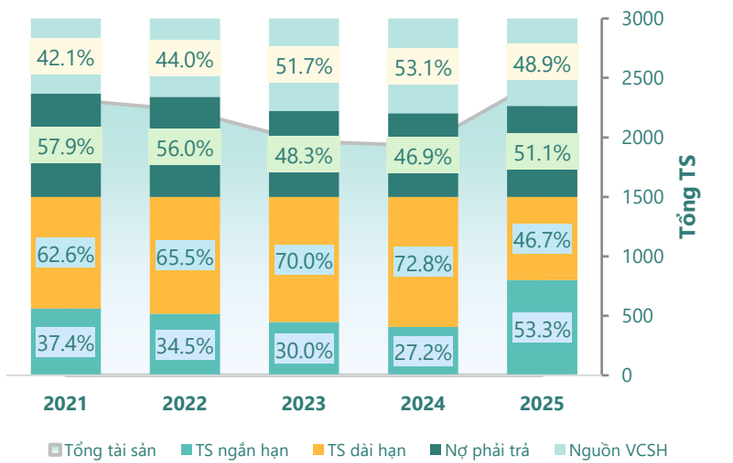
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

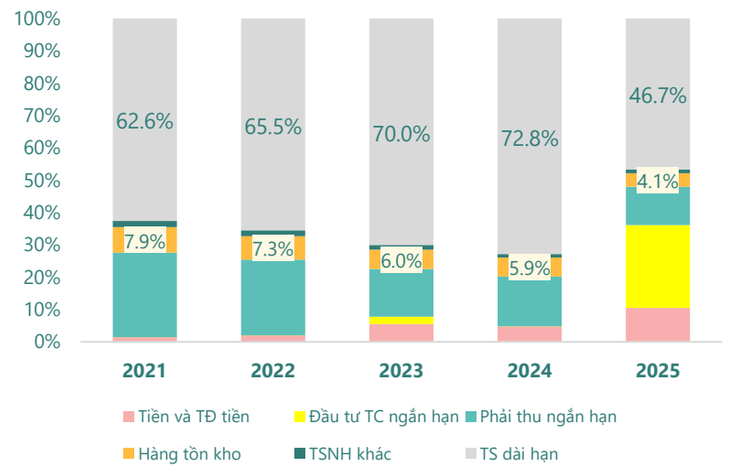
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



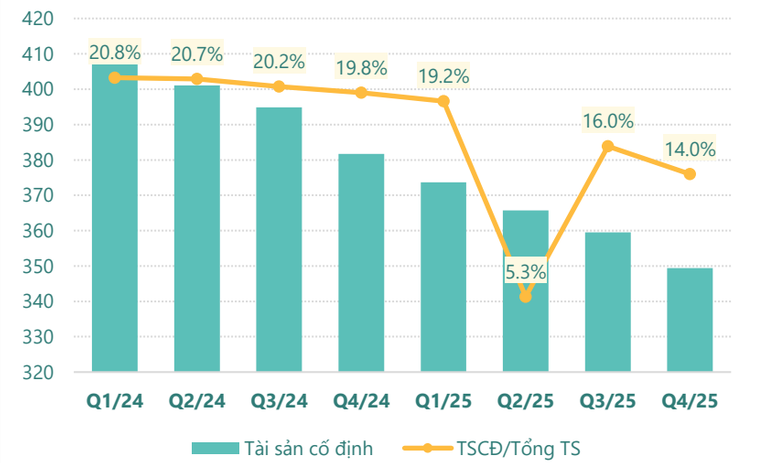
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



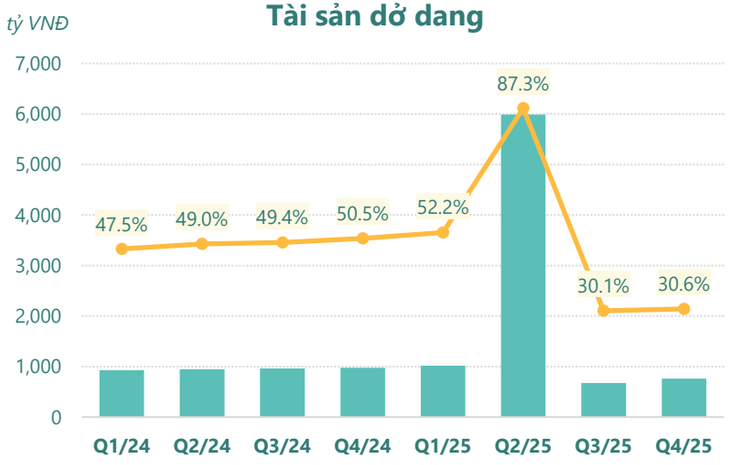
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



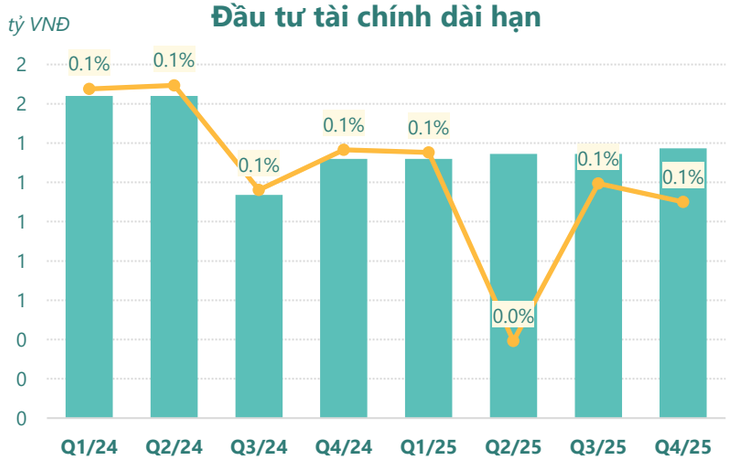
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



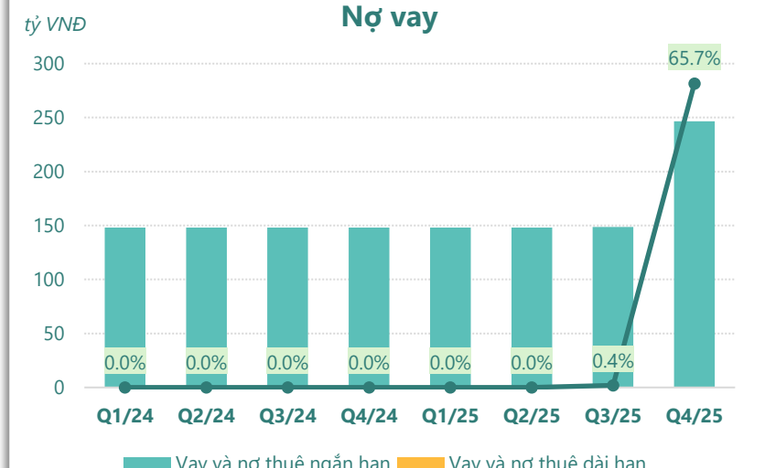
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

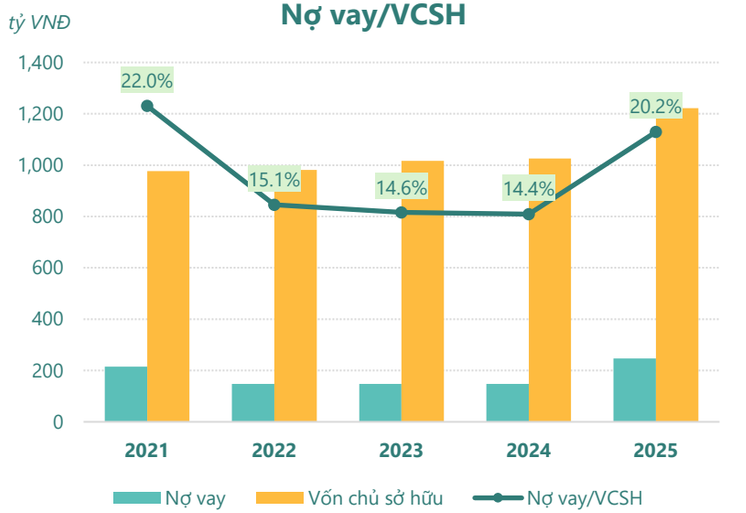
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



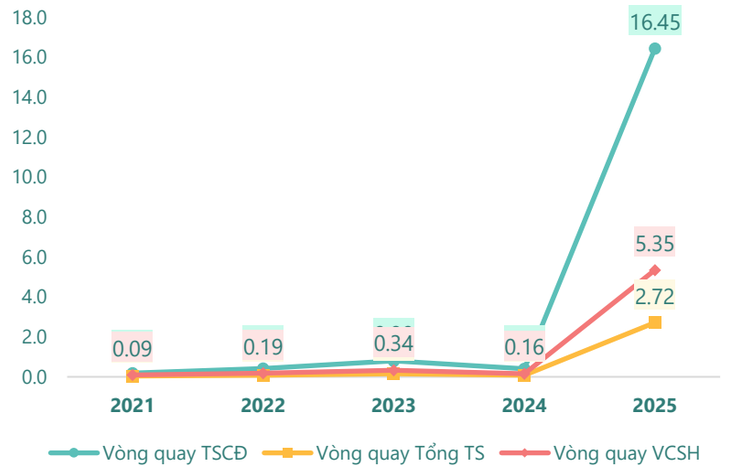
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



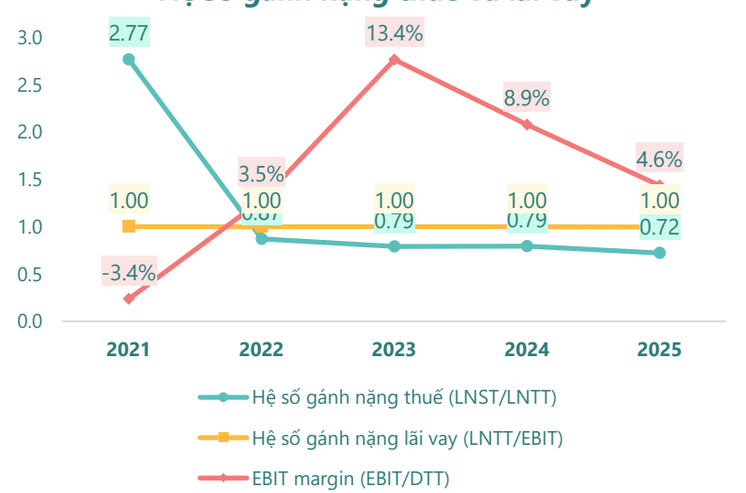
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



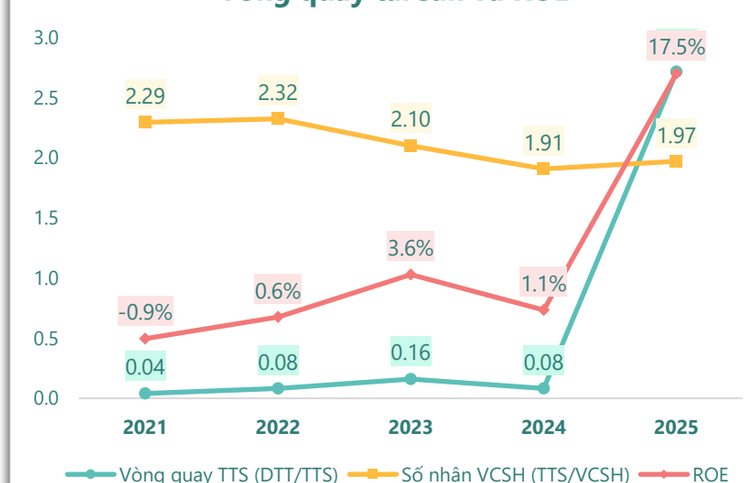
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



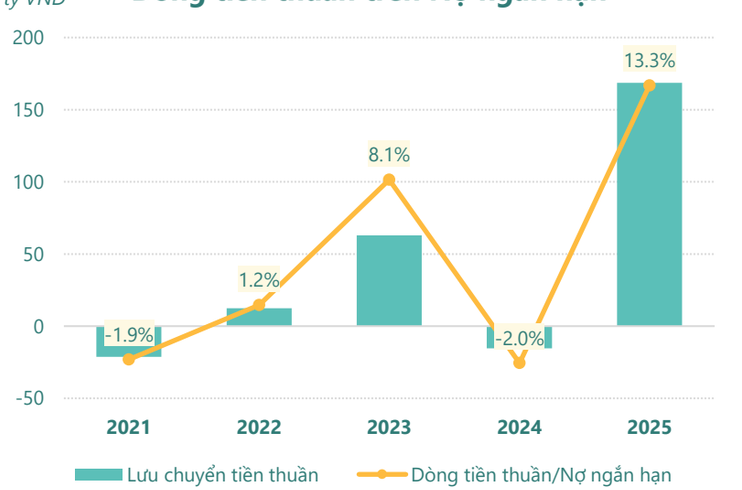
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**54.5**	**53.8**	**1.3%**	**6,011**	**161**	**3644%**
Giá vốn hàng bán	75.5	43.7	72.8%	5,715	112	5022%
Lợi nhuận gộp	-21.0	10.0	-310%	297	49.0	505%
Doanh thu HĐTC	9.56	0.05	19015%	16.0	1.40	1040%
Chi phí TC	1.06	-0.20	630%	1.10	0.43	158%
Chi phí lãi vay	1.06	0.00		1.15	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	1.43	1.35	6.0%	6.83	13.8	-50.4%
Chi phí QLDN	**9.92**	**12.6**	**-21.3%**	**31.5**	**34.9**	**-9.9%**
LN thuần từ HĐKD	-23.8	-3.68	-548%	273	1.27	21394%
Lợi nhuận khác	**-0.04**	**13.0**	**-100%**	**-0.41**	**12.9**	**-103%**
LN trước thuế	-23.9	9.33	-356%	273	14.2	1818%
Lợi nhuận sau thuế	**-19.8**	**7.66**	**-359%**	**197**	**11.3**	**1644%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-19.9**	**7.70**	**-358%**	**197**	**11.3**	**1634%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-16.5	27.6	27.7	4,921	-4,852	72.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-18.4	-10.1	-40.4	-4,972	4,858	55.7
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0.63	97.8
Tiền đầu kỳ	110	75.2	92.7	80.1	29.2	35.8
Lưu chuyển tiền thuần	**-34.9**	**17.5**	**-12.6**	**-50.9**	**6.64**	**226**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	75.2	92.7	80.1	29.2	35.8	261

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**2,497**	**1,930**	**29.3%**
Tài sản ngắn hạn	1,331	525	154%
Tiền và tương đương tiền	261	92.7	182%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	640	0.13	484969%
Phải thu ngắn hạn	298	297	0.2%
Hàng tồn kho	102	113	-9.4%
Tài sản ngắn hạn khác	29.7	21.9	35.3%
Tài sản dài hạn	**1,166**	**1,406**	**-17.1%**
Phải thu dài hạn	0.00	0.01	-69.9%
Tài sản cố định	349	382	-8.5%
Bất động sản đầu tư	43.8	39.8	10.1%
Tài sản dở dang	765	977	-21.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	1.37	1.32	4.0%
Tài sản dài hạn khác	**6.66**	**6.52**	**2.2%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,275	905	40.9%
Nợ ngắn hạn	**1,264**	**748**	**68.9%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	247	148	66.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	206	170	21.7%
Nợ dài hạn	11.3	157	-92.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,222**	**1,025**	**19.2%**
Vốn chủ sở hữu	**1,222**	**1,025**	**19.2%**
Vốn điều lệ	789	789	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)